

Số: 2327/QĐ-BNN-LN

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Dự án "Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia,  
giai đoạn 2022-2025"**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

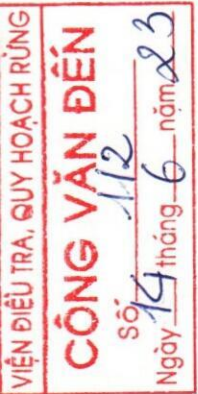
Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (đợt 1);





Căn cứ Quyết định số 2117/QĐ-BNN-LN ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phân công quản lý các dự án, hoạt động sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

Xét Tờ trình số 101/TTr-ĐTQHR-KHTC, ngày 05/6/2023 của Viện Điều tra Quy hoạch rừng về việc đề nghị phê duyệt dự án "Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia giai đoạn 2022-2025";

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án "Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia, giai đoạn 2022-2025", gồm những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia, giai đoạn 2022-2025.

**2. Cơ quan chủ quản:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**3. Đơn vị thực hiện dự án:** Viện Điều tra, Quy hoạch rừng

**4. Quy mô, phạm vi:** Dự án thực hiện trên phạm vi toàn quốc

**5. Thời gian thực hiện:** năm 2023 - 2025

**6. Mục tiêu**

### **6.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp dữ liệu, thông tin về tài nguyên rừng, bao gồm: các chỉ số về trữ lượng rừng, tăng trưởng rừng, cấu trúc, tái sinh rừng, thảm thực bì, tính đa dạng loài cây gỗ, sinh khối rừng, trữ lượng các-bon rừng, lượng giảm phát thải khí nhà kính từ rừng,... làm cơ sở xây dựng chính sách, kế hoạch quản lý bền vững tài nguyên rừng góp phần thực hiện các mục tiêu Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

### **6.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đánh giá và cung cấp số liệu, thông tin về trữ lượng rừng theo loại rừng, trạng thái rừng các vùng sinh thái và toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và sản xuất lâm nghiệp.

- Đánh giá đặc điểm, động thái trạng thái rừng theo các hệ sinh thái rừng tự nhiên làm cơ sở hoạch định chính sách, định hướng quản lý bền vững các hệ sinh thái rừng tự nhiên.

- Xác định thông tin, cơ sở dữ liệu về trữ lượng các bon rừng, đánh giá được lượng giảm phát thải do thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất, tín chỉ các bon rừng và các dự án chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+.



## **7. Nội dung, hoạt động chính**

### **7.1. Điều tra, đánh giá và giám sát trữ lượng rừng**

Điều tra, đánh giá trữ lượng rừng trên hệ thống chòm ô: Điều tra thu thập thông tin số liệu trên 2.500 chòm ô; Tổng hợp phân tích, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng rừng theo vùng sinh thái và toàn quốc.

### **7.2. Điều tra đánh giá, giám sát các hệ sinh thái rừng**

- Điều tra, theo dõi hệ thống ô định vị.
- Tính toán, xử lý phân tích số liệu, xây dựng báo cáo.

### **7.3. Đánh giá về giảm phát thải khí nhà kính**

- Đánh giá giảm phát thải theo REDD+:
- Cập nhật số liệu, xây dựng báo cáo FAO-FRA.
- Kiểm kê phát thải khí nhà kính lĩnh vực Lâm nghiệp và Sử dụng đất (LULUCF).

### **7.4. Hỗ trợ theo dõi diễn biến rừng hàng năm**

- Hỗ trợ theo dõi, giám sát biến động rừng trong việc cập nhật lớp bản đồ hiện trạng rừng các tỉnh trọng điểm.
- Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực về theo dõi diễn biến rừng hàng năm cho lực lượng kiểm lâm.

### **7.5. Nâng cấp, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu**

- Nâng cấp, hoàn thiện cấu trúc hệ thống CSDL Dự án.
- Quản lý, duy trì và cập nhật CSDL hàng năm.

### **7.6. Xây dựng các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết dự án**

### **7.7. Thực hiện đảm bảo và kiểm soát chất lượng**

### **7.8. Các hoạt động hỗ trợ liên quan.**

## **8. Kết quả, sản phẩm chính của dự án**

### **8.1. Cơ sở dữ liệu**

- Hồ sơ, số liệu điều tra thu thập ở thực địa và kết quả tính toán chòm ô, ô định vị sinh thái rừng; Dữ liệu giảm phát thải và tăng hấp thụ khí nhà kính; dữ liệu kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất (LULUCF).

- Các bản đồ dạng số, gồm:

+ Bản đồ trữ lượng các bon rừng cấp vùng tỷ lệ 1/250.000, cấp toàn quốc tỷ lệ 1/1.000.000.

+ Bản đồ kiểm kê và kết quả giảm phát thải khí nhà kính lĩnh vực LULUCF cấp vùng tỷ lệ 1/250.000, cấp toàn quốc tỷ lệ 1/1.000.000.



## **8.2. Hệ thống báo cáo**

- Báo cáo kết quả điều tra đánh giá trữ lượng rừng theo vùng sinh thái và toàn quốc.
- Báo cáo tổng hợp đánh giá, giám sát sinh thái và chất lượng rừng.
- Báo cáo kết quả điều tra đánh giá sinh khối, trữ lượng các bon.
- Báo cáo kết quả tính toán hệ số phát thải/hệ số hấp thụ khí CO<sub>2</sub>.
- Báo cáo kết quả giảm phát thải và tăng hấp thụ khí nhà kính do thực hiện các hoạt động REDD+.
- Báo cáo kết quả cập nhật Đường phát thải tham chiếu rừng (FREL) và Đường tham chiếu rừng (FRL).
- Báo cáo đánh giá tài nguyên rừng FAO-FRA.
- Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất (LULUCF).
- Báo cáo đánh giá lượng giảm phát thải khí nhà kính giai đoạn 2020-2022.
- Báo cáo đánh giá tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính theo các biện pháp giảm nhẹ giai đoạn 2021-2030.
- Báo cáo kết quả thực hiện Dự án hàng năm và Báo cáo tổng kết Dự án.

## **8.3. Các sản phẩm khác liên quan**

### **9. Kế hoạch, kinh phí thực hiện**

#### **9.1. Kế hoạch, tiến độ thực hiện Dự án**

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

#### **9.2. Tổng dự toán kinh phí**

Tổng kinh phí thực hiện dự án (dự kiến): 170.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ đồng)*.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**9.3. Nguồn kinh phí:** Nguồn sự nghiệp kinh tế thuộc Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2117/QĐ-BNN-LN ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phân công quản lý các dự án, hoạt động sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

#### **2. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng:**

Hàng năm, căn cứ kinh phí được phân bổ, có trách nhiệm xây dựng đề cương, dự toán chi tiết theo đúng định mức, quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Chủ trì, chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác của hồ sơ; tổ chức, quản lý triển khai thực hiện Dự án, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, nội dung, kết quả dự án và thực hiện việc thanh, quyết toán dự án theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác của hồ sơ; tổ chức, quản lý triển khai thực hiện Dự án, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, nội dung, kết quả dự án và thực hiện việc thanh, quyết toán dự án theo quy định của pháp luật.

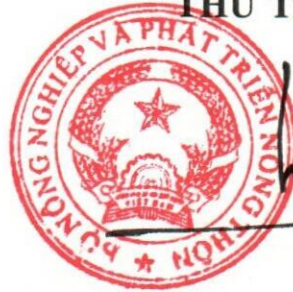
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Lâm nghiệp; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường; Viện trưởng Viện Điều tra, Quy hoạch rừng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước (nơi giao dịch);
- Lưu: VT, LN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Quốc Trị**



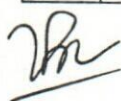
Phụ lục I

**KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

**Dự án " Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia,  
giai đoạn 2022-2025"**

(Kèm theo Quyết định số 327/QĐ-BNN-LN ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4	5
A	<b>Xây dựng, phê duyệt Dự án</b>	x		
B	<b>Triển khai các hoạt động, nội dung dự án</b>	x	x	x
1	Điều tra, đánh giá và giám sát trữ lượng rừng	x	x	x
2	Điều tra đánh giá, giám sát các hệ sinh thái rừng	x	x	x
3	Đánh giá về giảm phát thải khí nhà kính	x	x	
4	Hỗ trợ theo dõi diễn biến rừng hàng năm	x	x	x
5	Nâng cấp, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu	x	x	x
6	Xây dựng các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết Dự án			x
7	Thực hiện đảm bảo và kiểm soát chất lượng	x	x	x
8	Các hoạt động hỗ trợ liên quan	x	x	x





Phụ lục II

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN (Dự kiến)**

**Dự án " Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia giai đoạn 2022-2025"**

(Kèm theo Quyết định số 2327/QĐ-BNN-LN ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí dự kiến	Kinh phí chia theo các năm		
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>170.000</b>	<b>70.000</b>	<b>55.000</b>	<b>45.000</b>
1	Điều tra, đánh giá và giám sát trữ lượng rừng	53.181	22.318	15.890	14.973
2	Điều tra đánh giá, giám sát các hệ sinh thái rừng	57.999	26.659	14.897	16.443
3	Đánh giá về giảm phát thải khí nhà kính	22.242	8.621	13.621	
4	Hỗ trợ theo dõi diễn biến rừng hàng năm	2.821	940	941	940
5	Nâng cấp, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu	1.525	513	667	345
6	Xây dựng các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết dự án	4.012			4.012
7	Các hoạt động hỗ trợ liên quan	6.231	1.768	1.998	2.465
8	Quản lý Dự án; Thực hiện đảm bảo và kiểm soát chất lượng	21.898	9.181	6.986	5.822

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ đồng ./.



